

Số: 23/2016/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư
và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định 131/2009/QĐ-TTg, ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ Tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT liên bộ, ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý thực hiện Chương trình nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định Số 62/2006/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định chính sách khuyến khích thực hiện Chương trình nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- Cục KTVB - BTP;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh (b/cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc VN tỉnh, các Đoàn thể tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC/KTN Đ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc

www.LuatVietnam.vn

QUY ĐỊNH

Về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này hướng dẫn cụ thể các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích, thu hút đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (bao gồm công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp,...) và quản lý, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung phục vụ cho sinh hoạt và các mục đích khác của cộng đồng dân cư nông thôn.

2. Các công trình cấp nước nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình (giếng khoan, lu, bể chứa nước,...) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tổ hợp tác, tư nhân (sau đây gọi chung là các đơn vị cấp nước) thực hiện toàn bộ hoặc một số công đoạn trong các hoạt động đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ, quản lý khai thác, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ về cung cấp nước sạch nông thôn.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia hoạt động đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

**Chương II
CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ**

Điều 3. Chính sách về đất đai

1. Trong quy hoạch xây dựng ưu tiên bố trí đất để làm mặt bằng xây dựng công trình cấp nước một cách hợp lý.

2. Các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung phục vụ cho cộng đồng dân cư nông thôn được Nhà nước miễn tiền cho thuê đất.

a) Đất được thuê cho xây dựng công trình cấp nước bao gồm: Đất để xây dựng công trình khai thác và xử lý nước; đất xây dựng đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước và các công trình hỗ trợ quản lý, vận hành

hệ thống cấp nước (nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị).

b) Các huyện, thị xã, thành phố dành quỹ đất để xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy hoạch cấp nước được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đất được nhà nước cho thuê đối với các công trình sử dụng đất để xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn phải bảo đảm các quy định sau:

a) Không được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của công trình đầu tư.

b) Không được quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng, cho, cho thuê quyền sử dụng đất thuê.

c) Không được thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất để vay vốn.

d) Không được góp vốn bằng quyền sử dụng đất để hợp tác sản xuất, kinh doanh.

4. Trình tự, thủ tục hồ sơ để được thuê đất thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo quy định.

5. Trình tự để được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Quản lý thuế, Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo quy định.

Điều 4. Miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Các tổ chức, cá nhân có thu nhập từ hoạt động quản lý, khai thác các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh được miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung theo quy định; cụ thể một số nội dung chính như sau:

a. Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo đối với các huyện: Tân Hồng, Hồng Ngự, Tam Nông, Tháp Mười.

b. Được miễn 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo đối với các huyện còn lại trong tỉnh.

2. Đối với cơ sở có nhiều loại hình kinh doanh khác nhau, ngoài các hoạt động quy định tại khoản 1, Điều này, phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước

1. Các công trình đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt được ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và viện trợ quốc tế nếu có) hỗ trợ theo các mức như sau:

a) Hỗ trợ 90% tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các 08 xã của 03 huyện sau:

Huyện Tân Hồng: xã Bình Phú; xã Tân Hộ Cơ; xã Thông Bình.

Huyện Hồng Ngự: xã Thường Phước; xã Thường Thới Hậu A; xã Thường Thới Hậu B.

Thị xã Hồng Ngự: xã Tân Hội; xã Bình Thạnh.

b) Hỗ trợ 60% tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các xã còn lại trên địa bàn tỉnh.

2. Phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sạch nông thôn tại các xã trên địa bàn tỉnh (không thuộc địa bàn 08 xã tại mục a khoản 1 Điều 5), thì phải hoàn trả ngân sách bằng khấu hao **co bản** tài sản cố định. Việc xác định khấu hao phải theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

Điều 6. Huy động vốn

Các đơn vị đầu tư xây dựng các công trình (bao gồm cả công trình cải tạo) cấp nước nông thôn:

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc quy mô nhóm A, B được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng phát triển Việt Nam nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, các văn bản hướng dẫn và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo quy định; đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc quy mô nhóm C được vay vốn tín dụng từ Quỹ đầu tư phát triển tỉnh nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và Nghị định số

37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo quy định.

2. Được ưu tiên vay lại từ nguồn vốn của các tổ chức quốc tế cho Chính phủ Việt Nam vay ưu đãi.

3. Được nhận vốn tài trợ không hoàn lại của tổ chức quốc tế (nếu có).

4. Được phép huy động vốn dưới dạng góp cổ phần đối với công ty cổ phần, góp vốn từ người lao động trong đơn vị, cộng đồng; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thông qua hợp tác, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Đơn vị cấp nước có trách nhiệm quản lý chặt chẽ nguồn vốn, đầu tư hiệu quả, thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận khi huy động vốn.

Điều 7. Hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt nông thôn

1. Mức hỗ trợ giá: là phần chênh lệch giữa giá nước sạch được tính đúng tính đủ theo quy định của Nhà nước và giá tiêu thụ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Điều kiện, quy trình xét cấp hỗ trợ:

a) Đơn vị cấp nước lập kế hoạch đề nghị cấp hỗ trợ cùng kỳ lập kế hoạch dự toán ngân sách hàng năm của địa phương gửi Sở Tài chính thẩm định.

b) Sở Tài chính thẩm định, ghi vào dự toán ngân sách theo hạng mục quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Thời gian hỗ trợ giá

a) Kế hoạch ngân sách địa phương sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt (trong đó có phần hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt nông thôn), cơ quan tài chính cấp hỗ trợ giá cho các đơn vị cấp nước theo phân cấp của địa phương.

b) Thời gian hỗ trợ giá được thực hiện 2 lần trong năm:

- Lần 1 trước quý 3 hàng năm cấp 70% kế hoạch hỗ trợ giá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Lần 2 vào quý 1 năm sau, cấp hết số còn lại sau khi đã quyết toán.

4. Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ giá: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính.

Chương III MÔ HÌNH QUẢN LÝ, KHAI THÁC

CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN

Điều 8. Lựa chọn mô hình quản lý

1. Đơn vị sự nghiệp công lập: Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.
2. Doanh nghiệp: Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, Doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo Luật doanh nghiệp.
3. Hợp tác xã, Tổ hợp tác.
4. Tư nhân.

Điều 9. Quy trình tham gia đầu tư, quản lý các hoạt động cấp nước sạch nông thôn

1. Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp danh mục các công trình cấp nước sạch nông thôn theo quy hoạch cần đầu tư hoặc thay đổi mô hình quản lý trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, niêm yết công khai hoặc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm kêu gọi các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư hoặc quản lý vận hành.

a) Đối với trường hợp có 01 tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đầu tư hoặc quản lý, khai thác công trình cấp nước mới hoặc cải tạo, nâng cấp theo danh mục công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện các thủ tục chỉ định thầu theo quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu.

b) Đối với các trường hợp khác thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu.

2. Đối với những công trình cấp nước đã có tổ chức, cá nhân đang thực hiện dịch vụ cấp nước nhưng yêu cầu phải đầu tư, cải tạo, nâng cấp hoặc phải thay đổi mô hình quản lý để công trình cấp nước đáp ứng nhu cầu phục vụ tốt hơn, xử lý như sau:

a) Trường hợp đầu tư cải tạo, nâng cấp:

- Tổ chức, cá nhân đang quản lý tốt công trình, có đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì được giao làm chủ đầu tư thực hiện công trình.

- Trường hợp đầu tư cải tạo, nâng cấp và thay đổi mô hình quản lý thì cơ quan có thẩm quyền quyết định lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để làm chủ đầu tư và quản lý khai thác công trình.

b) Trường hợp cần thay đổi mô hình quản lý để đảm bảo quản lý có hiệu quả hơn, cần lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực quản lý, khai thác cung cấp dịch vụ cấp nước sạch tham gia; tổ chức, cá nhân tham gia quản lý phải có

phương án tổ chức lại sản xuất, quản lý cung cấp nước sạch, ký kết với cơ quan có thẩm quyền các thỏa thuận về yêu cầu quản lý mới đảm bảo khai thác, cung cấp nước sạch nông thôn. Cơ quan có thẩm quyền sẽ lựa chọn tổ chức, cá nhân mới để quản lý theo hướng dẫn tại các điểm a, b khoản 1 Điều 10.

3. Trường hợp đặc biệt: Không có tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư thì nhà nước đầu tư. Cấp quyết định đầu tư quyết định lựa chọn cơ quan, tổ chức có đủ năng lực làm chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị quản lý công trình

1. Đơn vị quản lý công trình có các quyền sau:

a) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác công trình;

b) Được tham gia ý kiến vào việc lập quy hoạch cấp nước trên địa bàn; đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng và khai thác công trình;

c) Thu tiền nước theo giá tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

d) Xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, vận hành và khai thác công trình;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị quản lý công trình có các nghĩa vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình theo quy định;

b) Chủ động thực hiện các biện pháp quản lý, bảo trì theo quy định nhằm vận hành, khai thác công trình theo thiết kế;

c) Bảo đảm cung cấp nước cho khách hàng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng dịch vụ theo quy định hiện hành;

d) Thực hiện báo cáo, hạch toán, khấu hao, bảo trì công trình theo đúng quy định và pháp luật có liên quan;

đ) Bồi thường khi gây thiệt hại cho khách hàng sử dụng nước theo quy định của pháp luật;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Xử lý tài sản

1. Đối với các loại tài sản, công trình được đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước khi có nhu cầu điều chuyển công trình, cho thuê quyền khai thác công trình, chuyển nhượng, thanh lý công trình

thực hiện theo Điều 23, 24, 25, 26 và 30 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

2. Đối với loại tài sản, công trình hình thành từ các nguồn vốn ngoài vốn ngân sách nhà nước hoặc không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, khi chuyển đổi chủ sở hữu, bán lại hoặc tổ chức lại theo các loại hình đơn vị cấp nước khác được thực hiện theo quy định của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý nhà nước đối với các hoạt động cung cấp nước sạch ở nông thôn trên địa bàn.

b) Tổ chức lập, rà soát quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết về cung cấp nước sạch nông thôn; lập danh mục đầu tư trên từng địa bàn. Kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư các công trình nước sạch phục vụ nông thôn đặc biệt là những vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

c) Phối hợp với các Sở, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai, đôn đốc, theo dõi thực hiện Quyết định này. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định về Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Rà soát, kiểm tra hoạt động của các đơn vị cấp nước; tổng kết kinh nghiệm các mô hình quản lý, đề xuất các giải pháp quản lý đảm bảo đơn vị cấp nước hoạt động hiệu quả, bền vững.

đ) Xây dựng kế hoạch tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật khai thác, quản lý, vận hành công trình cho các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác vận hành quản lý công trình trên địa bàn tỉnh.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phương án giao công trình cho đơn vị cấp nước theo quy định hiện hành.

f) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp các nhu cầu hỗ trợ vốn hàng năm theo các công trình xã hội hóa trong lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn phù hợp với quy hoạch đã được tỉnh phê duyệt trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: trên cơ sở Quy hoạch tổng thể về khai thác và cung cấp nước của tỉnh, hướng dẫn việc lập các thủ tục hành chính về tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân có các hoạt động thăm dò, khai thác, sử

dụng tài nguyên nước; thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước; thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm, đề xuất biện pháp giải quyết các tranh chấp về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, đánh giá các công nghệ tiên tiến xử lý nước sạch, phù hợp từng vùng, từng khu vực trong lĩnh vực cấp nước, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả, từng bước giảm giá thành sản xuất nước sạch nông thôn, bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm nguồn nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn các ngành, các cấp thực hiện các phương thức tham gia hoạt động cấp nước sạch nông thôn trong đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn (như thỏa thuận, đấu thầu và đặt hàng).

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối phân bổ các nguồn vốn, điều phối kinh phí chung và các nguồn tài trợ của tổ chức quốc tế, bao gồm cả việc điều phối ngân sách nhà nước hàng năm cho lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn và các dự án được hỗ trợ; tổ chức thực hiện lồng ghép với các Chương trình có cùng mục tiêu trên địa bàn.

5. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn việc thu, quản lý, sử dụng vốn tổ chức, cá nhân hoàn trả lại ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định các phương án giá tiêu thụ nước sạch nông thôn phù hợp với khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt do Bộ Tài chính ban hành và thực tế của địa phương.

c) Hướng dẫn các thành phần kinh tế tổ chức quản lý tài chính ở các đơn vị cấp nước.

d) Căn cứ điều kiện thực tế, Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ giá phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước.

đ) Xem xét, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ giá nước sạch ghi vào kế hoạch ngân sách trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

6. Sở Y tế: quản lý, giám sát, kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt nông thôn và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

7. Đề nghị các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, vận động các đoàn viên, hội viên tham gia tích cực vào việc giám sát thực hiện Quy định này.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;

a) Quản lý các tổ chức, cá nhân khai thác và cung cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b) Có trách nhiệm tổ chức thu hồi và quản lý nguồn kinh phí đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

c) Xây dựng mẫu hợp đồng cung cấp và sử dụng nước sinh hoạt nông thôn để thống nhất thực hiện trong toàn huyện, thị xã, thành phố thông qua Sở Công Thương kiểm tra tính chất ràng buộc của nội dung hợp đồng.

9. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khai thác và kinh doanh nước sạch nông thôn trong phạm vi địa bàn quản lý theo quy định pháp luật.

10. Các quy định, các hợp đồng cung cấp và sử dụng nước sinh hoạt nông thôn do cấp huyện, xã ký trước đây nếu trái với quy định này phải bổ sung sửa đổi lại cho phù hợp.

Tất cả các quy định khác không được điều chỉnh theo quy định này, thì áp dụng theo quy định hiện hành và các văn bản hướng dẫn, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân cung cấp và kinh doanh nước sạch nông thôn báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc